

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **609**/GPMT-SNNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng **6** năm **2025**

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đổi tên cơ quan quản lý của Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;



Handwritten signature

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Xưởng sản xuất mực in" tại địa chỉ 50/4A-4B, đường Võ Thị Hòai, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân, kiểm tra ngày 20 tháng 12 năm 2025;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 01/2025/CV-GPMT ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở và Công văn số 02/2025/CV-GPMT ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân về việc giải trình nội dung chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Xưởng sản xuất mực in" tại địa chỉ 50/4A-4B, đường Võ Thị Hòai, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Phiếu trình số 454 /TTr-CCBVMT-KSON ngày 30 tháng 06 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân, địa chỉ trụ sở chính 50/4A-4B, đường Võ Thị Hòai, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở "Xưởng sản xuất mực in" tại địa chỉ 50/4A-4B, đường Võ Thị Hòai, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xưởng sản xuất mực in.

1.2. Địa điểm hoạt động: 50/4A-4B, đường Võ Thị Hòai, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần mã số

0303719386 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 02 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0303719386.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất mực in.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích khu đất Cơ sở: 2.748 m² (theo hợp đồng mượn nhà và nhà xưởng số 99/MMB ngày 26/11/2010 giữa Ông Nguyễn Hiếu Đức (bên cho thuê mượn - chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 694460 ngày 05/10/2010, sổ vào sổ cấp GCN: CT 02511 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân (bên thuê) với diện tích là 2.748 m²).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Cơ sở thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Công suất: Sản xuất mực in với công suất 480 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu hạt nhựa → Nạp liệu và khuấy trộn Vecni → Tạo màu mực in → Nghiền mịn mực in → Hiệu chỉnh màu → Kiểm tra → Lọc → Chiết rót → Đóng gói và lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về

Handwritten signature

bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên

quan, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành).

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- UBND xã Xuân Thới Sơn;
- Trang thông tin điện tử của Sở NNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT.Châu.05.

04b

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Toàn Thắng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số **609** /GPMT-SNNMT-CCBVMT
 ngày 30 tháng 1 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân (nước thải đen từ bồn cầu, âu tiêu nhà vệ sinh).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay (nước thải xám phát sinh từ lavobo).
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh, rửa thùng chứa mực in gốc nước.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hoạt động vệ sinh, rửa thùng chứa chất thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước của thành phố trên đường Võ Thị Hời, sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương trên địa bàn xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Vị trí xả nước thải:

– Vị trí xả thải: tại 50/4A, đường Võ Thị Hời, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

– Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi giờ 3⁰): X= 1.201.872 (m); Y= 590.471 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05 m³/ngày.đêm (0,21 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 05m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q=0,9$; $K_f=1,0$) sẽ tự chảy theo đường ống PVC có đường kính D400mm, chiều dài 3,0m ra 01 hồ ga đầu nối thoát nước vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Võ Thị Hời sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

Handwritten signature

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9	Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ 6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ
2	Màu	Pt/Co	150		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	45		
4	COD	mg/l	135		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	9		
7	Tổng Nitơ	mg/l	81		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,4		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		
10	Sunfua	mg/l	0,45		
11	Sắt	mg/l	4,5		
12	Clorua	mg/l	900		
13	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân (nước thải đen từ bồn cầu,

âu tiêu nhà vệ sinh) được thu gom theo đường ống PVC D90mm, chiều dài khoảng 18m dẫn xuống 01 bể tự hoại 03 ngăn (được xây dựng âm phía dưới khu vực nhà xưởng, văn phòng). Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D200mm, tổng chiều dài 84,5m.

– Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay (nước thải xám phát sinh từ lavabo), công nhân khi có nhu cầu rửa tay thì sẽ rửa trực tiếp tại 02 vòi rửa có bố trí kèm 02 cửa xả thu gom nước thải để chảy vào hệ thống xử lý nước thải $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D60mm với tổng chiều dài 20m.

– Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị được công nhân thực hiện tại vị trí bồn trộn và máy nghiền mực in dẫn sẽ thu gom vào các bồn Inox có dung tích từ 500 – 1000L thu nước thải, chân bồn có bánh xe đẩy. Sau đó, công nhân viên sẽ đẩy tay đưa các bồn này ra 02 cửa xả thu gom nước thải để xả nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D60mm với tổng chiều dài 20m.

– Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh, rửa thùng chứa mực in gốc nước được công nhân thực hiện rửa trực tiếp tại 02 vòi rửa có xây dựng kèm 02 cửa xả thu gom nước thải để chảy vào hệ thống xử lý nước thải $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D60mm với tổng chiều dài 20m.

– Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh, rửa thùng chứa chất thải được công nhân thực hiện rửa trực tiếp tại 02 vòi rửa có xây dựng kèm 02 cửa xả thu gom nước thải để chảy vào hệ thống xử lý nước thải $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D60mm với tổng chiều dài 20m.

– Toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$). Tiếp theo, nước thải sau xử lý sẽ được bơm vào 03 bể chứa sau xử lý có thể tích 1000L/bể để lưu chứa trước khi thoát ra ngoài môi trường.

– Nước thải tự chảy từ bể chứa sau xử lý theo đường ống nhựa PVC D60mm, chiều dài 3m chảy ra hố ga giám sát nước thải, và theo đường ống nhựa PVC D200mm, chiều dài 58,5m chảy ra hố ga cuối trong khuôn viên cơ sở. Nước thải được đầu nối vào đường ống cống BTCT D400mm, chiều dài 3,0m chảy vào hệ thống cống thoát nước thải của thành phố trên đường Võ Thị Hội, sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Handwritten signature

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 01 bể.
- Vị trí và công suất thiết kế: 01 bể tại khu vực nhà vệ sinh (thể tích bể 21,11 m³).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

– Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn và các nguồn nước thải còn lại → Bể thu gom → Bể điều hòa → Thiết bị điện giải → Bể phản ứng và lắng → Bể lọc → Bồn chứa nước sạch → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Võ Thị Hời → kênh tiêu → kênh Trung Ương (nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q=0,9; K_f=1,0).

- Công suất thiết kế: 05 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, Phèn, Polymer, cát, sỏi, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- Tiến hành tẩy rửa đường ống đều đặn.
- Các thiết bị xử lý đều có phương án/thiết bị vận hành dự phòng để vận hành luân phiên, tránh tình trạng chạy liên tục dẫn đến tình trạng quá tải của thiết bị.
- Định kỳ tiến hành công tác nạo vét các hồ ga thoát nước thải.
- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này, trường hợp hệ thống xử lý nước thải ngưng hoạt động, gặp sự cố do hư hỏng công trình đơn vị, thiết bị: nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng của Công ty; kiểm tra lại các máy móc, thiết bị và quy trình vận hành nhằm khắc phục những sai sót; kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo

lại hệ thống (nếu cần thiết). Trường hợp khắc phục sự cố kéo dài, Công ty cam kết tạm ngưng hoạt động các công đoạn phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

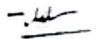
3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đấu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước thải của thành phố trên đường Võ Thị Hời, sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương). Xây dựng hố ga giám sát nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số ...**609**.../GPMT-SNNMT-CCBVMT
 ngày ..**2**.. tháng ..**5**.. năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI.

1. Nguồn phát sinh khí thải:

– Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dung môi công suất 5.200 m³/h tại cơ sở.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 50/4A-4B, đường Võ Thị Hội, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh), cụ thể như sau:

– Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dung môi (tương ứng với nguồn số 01) xả ra môi trường qua ống thoát khí bằng vật liệu thép có đường kính ống D250mm, chiều cao ống thải 5,0m (so với mặt đất). Tọa độ vị trí xả thải: X= 1.201.755 (m); Y= 590.482 (m).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', mũi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.200 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

– Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dung môi xả thải gián đoạn theo thời gian làm việc thông qua ống thoát khí bằng vật liệu thép có đường kính ống D250mm, chiều cao ống thải 5,0m (so với mặt đất)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

– Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	Xylen	mg/Nm ³	870		

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	n-Butanol	mg/Nm ³	360	thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 20:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

– Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dung môi được thu gom bằng hệ thống đường ống thép có đường kính ống D250mm đi vào tháp hấp thụ thông qua quạt hút, sau đó khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí bằng vật liệu thép có đường kính ống D250mm, chiều cao ống thải 5m (so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

– Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất → Hệ thống chụp hút → Hệ thống đường ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí thải.

– Thông số kỹ thuật: Ống thu gom bằng PVC, D250mm; dài 28m; Quạt hút có lưu lượng 5.200 m³/giờ, điện áp 3 pha/380V/50Hz; tháp hấp thụ có vật liệu bằng Inox với kích thước: Dài x Rộng x Cao = 0,7 x 0,9 x 1,3m; ống thoát khí thải bằng uPVC có đường kính 250mm, chiều cao 5,0m (so với mặt đất).

– Vật liệu hấp thụ: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

nh

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.
- Đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý chất thải đúng kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở phải được thu gom đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Handwritten signature

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số**609**...../GPMT-SNNMT-CCBVMT
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải công suất 05 m³/ngày.đêm, tọa độ X (m) = 1.201.772, Y (m) = 590.457
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý khí thải công suất 5.200 m³/giờ, tọa độ X (m) = 1.201.755; Y (m) = 590.482.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰).

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu.
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ như nút bịt tai trong suốt ca làm việc và bố trí ca luân phiên hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc tốt.
- Có nội quy bãi đỗ, quản lý chặt chẽ các phương tiện giao thông ra vào bãi đỗ để giảm thiểu thời gian nổ máy xe trong bãi đỗ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A, phụ lục này.
- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Cơ sở.



PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số609.../GPMT-SNNMT-CCBVM
 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Loại rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	13.500	18 02 01
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 03
4	Bùn mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	4.680	08 02 02
5	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	1.500	12 01 04
6	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất thải)	Rắn/Lỏng	215	08 02 01
Tổng cộng			13.500	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên CTNH	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	80
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	15 01 02	6

STT	Tên CTNH	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
3	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 08	6
4	Bùn từ bể tự hoại	12 06 11	21.110
Tổng cộng			21.256

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 26 kg/ngày tương đương 8.112 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

– Trang bị 19 thùng chứa có dung tích 240 lít có nắp đậy và các bao PP chống thấm, bố trí các bình PCCC cầm tay, cát xèng tại khu vực này theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Bên ngoài thùng chứa được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.1.2. Kho lưu chứa:

– Diện tích kho: 18m².
 – Vị trí kho: đặt tại phía sau nhà xưởng, gần hệ thống xử lý nước thải.
 – Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, tường gạch, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường
 Bùn từ bể tự hoại được thu gom về 01 bể tự hoại, thể tích bể là 21,11m³. Định kỳ (3 - 6 tháng/lần), Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Đối với các loại chất thải công nghiệp thông thường khác được trang bị các bao PE chống thấm tại kho chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

– Diện tích: 10 m².

Handwritten signature

- Vị trí kho: phía sau nhà xưởng, kế bên kho chứa chất thải nguy hại.
- Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, có vách ngăn, có dán băng tên, biển cảnh báo; có gờ chống chảy tràn.

- Thiết kế, cấu tạo bể chứa bùn: bể chứa có kết cấu bê tông cốt thép; quét chống thấm, chống rò rỉ; xây kín và thiết kế có nắp thăm

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng rác (chất thải thực phẩm, chất thải có khả năng tái chế và chất thải còn lại) có dung tích 200L trong khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt. Tất cả các thùng chứa đều có nắp đậy kín để tránh mùi hôi, dán nhãn phân loại trên nắp thùng và thân thùng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 04 m²
- Vị trí: đặt trong khuôn viên cơ sở, nằm bên hông nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, có dán biển cảnh báo.

2.4 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG).

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án “Xưởng sản xuất mực in” của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân số 9811/ĐK-TNMT-QLTN ngày 26/12/2005 và Công văn số 9943/TNMT-QLMT ngày 29 tháng 12 năm 2005 về việc nghiệm thu môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cơ sở không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan để tiến hành đầu tư, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng và pháp luật khác liên quan (nếu có).

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật đầu tư, xây dựng, quy hoạch, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

